

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-11-**2018**
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân; ;
2. Bà Nguyễn Thị Tám. .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **D**, sinh năm 1989;

HKTT: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Tạm trú: Tổ Đ, ấp H, xã E, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **S**, sinh năm 1987;

Cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị D trình bày:

Chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng từ năm 2016 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh S không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S chung sống có 01 con chung tên M, sinh ngày 14/5/2009 hiện nay con chung đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 9 năm 2018, bị đơn – anh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời chị D trình bày về cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống anh, chị không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung tên M, sinh ngày 14/5/2009. Anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 68, 96, 97, 98, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị D và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn. Anh chị có 01 con chung cháu M. Chị D yêu cầu ly hôn với anh S và yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết. Anh S đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Giao chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M.

Về kiên nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Chị D yêu cầu ly hôn, anh S đồng ý. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện: Anh chị chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án chị D xin ly hôn anh S đồng ý ly hôn đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh S.

[3] Về con chung: Chị D, anh S thống nhất có 01 con chung tên M, sinh ngày 14/5/2009. Chị D yêu cầu được nuôi con, anh S đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu M có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, sinh ngày 14/5/2009 là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị D và anh S.

2. Về con chung: Giao chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M, sinh ngày 14/5/2009. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005589 ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự ;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ (Ng).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An

